

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2020

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Tú.

Bà Nguyễn Thị Ái Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2020/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Đình T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Bà Mai Thị Thanh T1, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-6-2020, bản tự khai ngày 19-6-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Đình T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Ngô Đình T chung sống với bà Mai Thị Thanh T1 từ năm 1997, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương) vào năm 1997 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03, ngày 08-01-1997. Trong quá trình chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng có phát sinh nhiều mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay cãi vã về nhiều vấn đề trong cuộc sống, mâu thuẫn về tình cảm, gia đình. Năm 2017, ông T có nộp đơn xin ly hôn với bà T1 nhưng Tòa án không chấp nhận cho ly hôn. Sau đó, hai vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, ông T có đánh bà T1, ông T không còn tình cảm vợ chồng với bà T1. Hiện hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2019, không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông T yêu cầu được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là cháu Ngô Mai Phương Th, sinh ngày 11-11-1997 và cháu Ngô Mai Thảo U, sinh ngày 16-9-2008. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao cháu Ngô Mai Thảo U, sinh ngày 16-9-2008 cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T đồng ý cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Cháu Ngô Mai Phương Th, sinh ngày 11-11-1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: ông T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai các ngày 19-6-2020, 23-7-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Mai Thị Thanh T1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà T1 thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung. Tuy nhiên, bà T1 cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là không lớn, chưa trầm trọng, tuy ông T có đánh bà T1, bà T1 và ông T hiện không còn sống chung nhưng bà T1 vẫn còn thương chồng, không muốn ly hôn, mong muốn được đoàn tụ với ông T. Vì vậy, bà T1 không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, bà T1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Mai Thảo U, sinh ngày 16-9-2008, yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu U 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Cháu Ngô Mai Phương Th, sinh ngày 11-11-1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T1 hiện đang là giáo viên với thu nhập khoảng trên 7.000.000 đồng/tháng và đủ điều kiện nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: bà T1 không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày:

Nguyên đơn ông Ngô Đình T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Mai Thị Thanh T1 vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, về cấp dưỡng, bà T1 yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu U 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: ông Ngô Đình T và bà Mai Thị Thanh T1 trong quá trình chung sống đã có phát sinh mâu thuẫn, đã xảy ra bạo lực gia đình, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T và bà T1 đã ly thân từ tháng 7/2019, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Đình T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là bà Mai Thị Thanh T1 có nơi cư trú tại ấp L, xã L1, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Ngô Đình T chung sống với bà Mai Thị Thanh T1 từ năm 1997, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương) vào năm 1997 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03, ngày 08-01-1997 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tình cảm, kinh tế và có hành vi bạo lực gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc (theo các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 15-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bàu Bàng và Công an xã L, huyện Bàu Bàng; các bản tự khai của ông T, bà T1 cùng ngày 19-6-2020). Vào năm 2017, ông T đã nộp đơn ly hôn với bà T1

nhưng không được Tòa án chấp nhận cho ly hôn nhưng sau đó hai vợ chồng ông T và bà T1 vẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, ông T lại tiếp tục nộp đơn ly hôn với bà T1. Từ tháng 7 năm 2019, vợ chồng ông T và bà T1 đã ly thân với nhau. Tại phiên tòa, ông T và bà T1 tranh luận về nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế và các đương sự có thừa nhận về hành vi bạo lực gia đình. Do đó, có cơ sở xác định: ông T và bà T1 không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông T yêu cầu ly hôn với bà T1 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: trong quá trình chung sống, ông T và bà T1 có hai con chung là cháu Ngô Mai Phương Th, sinh ngày 11-11-1997 và cháu Ngô Mai Thảo U, sinh ngày 16-9-2008. Hiện cháu Th đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao cháu Ngô Mai Thảo U cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T đồng ý cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Bà T1 có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu U và yêu cầu ông T phải có **nghĩa** vụ cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Xét, cháu U hiện do bà T1 nuôi dưỡng và cháu U cũng có nguyện vọng được bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, sống chung với bà T1 (theo bản tự khai của cháu U tại bút lục số 29), bà T1 có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu U cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con, ông T đồng ý cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng, tuy nhiên, bà T1 yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Tại phiên tòa, ông T và bà T1 đều thống nhất về mức sinh hoạt phí hàng tháng của cháu U là khoảng 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, ông T và bà T1 đều thừa nhận có thu nhập ổn định khoảng trên 7.000.000 đồng/tháng. Xét, cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau đối với con chung và cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Ông T là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và xét mức nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Ngô Mai Thảo U, sinh ngày 16-9-2008 cho bà Mai Thị Thanh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Ngô Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi theo quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: nguyên đơn ông Ngô Đình T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn ông Ngô Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Đình T đối với bị đơn bà Mai Thị Thanh T1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Ngô Đình T và bà Mai Thị Thanh T1.

- Về con chung:

Cháu Ngô Mai Phương Th, sinh ngày 11-11-1997 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Ngô Mai Thảo U, sinh ngày 16-9-2008 cho bà Mai Thị Thanh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Ngô Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ngô Mai Thảo U, sinh ngày 16-9-2008 mỗi tháng là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: các đương sự không tranh chấp về nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Ngô Đình T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí nghĩa vụ cấp dưỡng), được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Ngô Đình T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0038871 ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng. Ông Ngô Đình T còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- UBND xã L, huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng